

Phụ lục I
MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045
(Kèm theo Chương trình tại Nghị quyết số /NQ-CP ngày tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

TT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2023 - 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ, BÁO CÁO	KỶ BÁO CÁO
1	Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân	7,0%/năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
2	GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành	Khoảng 7.500 USD	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
3	GNI bình quân đầu người theo giá hiện hành	> 7.000 USD	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
4	Tỷ trọng đóng góp năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng chung	> 50% GDP	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Giữa kỳ, 5 năm
5	Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm	Nhóm 40 nước dẫn đầu thế giới	Bộ Khoa học và Công nghệ	Hàng năm, định kỳ thực hiện báo cáo
6	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 20%	< 20%	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	35 - 40%	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
8	Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin	> 90%	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm

9	Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên có các kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin	> 80%	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
10	Tỷ lệ sinh viên đại học trên một vạn dân	260 sinh viên/vạn dân	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
11	Năng lực cạnh tranh công nghiệp về năng lực cạnh tranh công nghiệp	Nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN	Bộ Công Thương	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
12	Tỷ trọng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp trong GDP	> 40% GDP	Bộ Công Thương	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
13	Tỷ trọng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	Khoảng 30% GDP	Bộ Công Thương	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
14	Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo	> 45%	Bộ Công Thương	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
15	Giá trị gia tăng công nghiệp chế tạo, chế biến bình quân đầu người	> 2.000 USD	Bộ Công Thương	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
16	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của khu vực dịch vụ trong GDP	> 50% GDP	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
17	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của ngành du lịch trong GDP	14 - 15% GDP	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
18	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước	Khoảng 30% GDP	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
19	Chính phủ điện tử, kinh tế số	- Nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới - Thứ ba trong khu vực ASEAN	Bộ Thông tin và Truyền thông	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm

20	Tỷ lệ đô thị hóa	> 50%	Bộ Xây dựng	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
21	Các chỉ tiêu về sử dụng hiệu quả tài nguyên (đất, nước, khoáng sản), tái sử dụng, tái chế chất thải	Tương đương với các nước dẫn đầu ASEAN	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
22	Chỉ số hiệu quả môi trường (EPI)	> 55	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
23	Chỉ số phát triển con người (HDI)	> 0,7	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm